

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI BÌNH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 21 – 01 – 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Kim Cương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Trần Phi Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 190/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn M, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã TP, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn N (vắng mặt)

Bà Phan Hồng Đ (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp NMB, xã TP, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Văn M trình bày:*

Vào ngày 06/7/2022 (âm lịch) ông có cho ông Phan Văn N và con gái ông N là bà Phan Hồng Đ vay số tiền là 120.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất là 7.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Khi vay giữa ông và ông N bà Đ có viết biên nhận giấy tay có chữ ký của ông N và bà Đ. Từ khi vay tiền đến nay phía ông N có trả lãi cho ông 04 lần với số tiền 28.000.000 đồng, sau đó không thanh toán nợ gốc và lãi theo thoả thuận.

Ông M đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông N và con gái là bà Đ trả tiền vay nhưng ông N, bà Đ không thực hiện. Nên nay ông khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn N và bà Phan Hồng Đ cùng thanh toán cho ông số tiền vay là 120.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/7/2022 (âm lịch) đến ngày 06/12/2024 (âm lịch) theo lãi suất 1,66%/tháng bằng 57.768.000 đồng, đối trừ 28.000.000 đồng ông N đã thanh toán,

số tiền lãi còn lại là 29.768.000 đồng. Đối với khoản lãi phát sinh từ ngày 07/12/2024 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2025 (dương lịch) ông không yêu cầu.

- *Đối với bị đơn ông Phan Văn N và bà Phan Hồng Đ:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phan Văn N và bà Phan Hồng Đ vắng mặt không lý do, ông N, bà Đ cũng không có văn bản, ý kiến gửi đến Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Toà án đã tiến hành xác minh nhưng thời điểm xác minh ông N, bà Đ đều không có mặt tại địa phương.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Về tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay, theo quy định tại các Điều 26, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 6/7/2022 (âm lịch) đến ngày 06/12/2024 (âm lịch) theo lãi suất 20%/ năm, sau khi trừ lãi bị đơn đã thanh toán. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn N và bà Phan Hồng Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà Đ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung quan hệ pháp luật các đương sự tranh chấp được xác định là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”, bị đơn ông Phan Văn N và bà Phan Hồng Đ có nơi cư trú tại xã TP, huyện TB nên theo quy định theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 120.000.000 đồng.

Xét thấy, chứng cứ là biên nhận vay tiền vào ngày 06/7/2022 (âm lịch) do bị đơn viết và ký tên người nhận tiền là chứng cứ và là cơ sở pháp lý duy nhất. Bị đơn không có ý kiến gửi đến Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên có căn cứ xác định nội dung vay tiền đều do ông N tự viết và ký tên cùng con gái ông N là Phan Hồng Đ. Xét hợp đồng vay tiền nói trên là thực tế có xảy ra, khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, việc thỏa thuận có giấy tờ rõ ràng. Hơn nữa khi làm biên nhận vay tiền phía con gái ông N là bà Phan Hồng Đ cùng có mặt ký cam kết “đồng ý với cha” điều đó cũng chứng minh việc vay tiền là có thật và hoàn toàn phù hợp với nội dung ông M khởi kiện. Khi vay thỏa thuận miệng thời hạn vay là 02 tháng, nhưng quá 02 tháng ông N và bà Đ

không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày ngày 06/7/2022 (âm lịch) đến ngày 06/12/2024 (âm lịch) là 29 tháng với lãi suất 1,66%/tháng bằng số tiền là 57.768.000 đồng, trừ 28.000.000 đồng tiền lãi ông N đã thanh toán, số tiền lãi còn lại là 29.768.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Khi vay tiền nguyên đơn và bị đơn thoả thuận lãi suất là 7.000.000 đồng/tháng. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp có thỏa thuận về lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo lãi suất 20%/ năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là phù hợp. Trong quá trình vay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 28.000.000 đồng tiền lãi nên được trừ. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi số tiền 29.768.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản lãi phát sinh từ ngày 07/12/2024 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2025 (dương lịch) nguyên đơn không yêu cầu buộc bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm thanh toán: Phía nguyên đơn ông M xác định khi vay ông N và con gái của ông N là bà Đ cùng vay, mục đích sử dụng chung. Cho nên, hiện ông M yêu cầu cả ông N và bà Đ cùng liên đới thanh toán tổng số tiền vay là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 39, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Phan Văn N và bà Phan Hồng Đ liên đới thanh toán cho ông Trương Văn M tổng số tiền 149.768.000 đồng (*một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi 29.768.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phan Văn N và bà Phan Hồng Đ phải chịu số tiền 7.488.000 đồng (chưa nộp). Nguyên đơn ông Trương Văn M

không phải chịu án phí, ông M được nhận lại tạm ứng án phí 4.328.000 đồng theo biên lai số 0016432 ngày 27/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VT.

**Phạm Kim Cương**